TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH SÓC TRĂNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111**/2024/DS - PT

Ngày 06 - 5- 2024

V/v tranh chấp góp hụi.

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Trung.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 06 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc "*Tranh chấp góp hụi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1971, bà **Phan Thị Út H1**, sinh năm 1965. Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc N**. Địa chỉ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2023 – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/5/2024).

- Bị đơn: Ông **Phan Bình P**, sinh năm 1991, bà **Dư Thị Hồng N1**, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Bình P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2023 của nguyên đơn ông Lê Văn H cùng vợ là bà Phan Thị Út H1, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Phạm Ngọc N trình bày:*

Ông Lê Văn H cùng vợ là bà Phan Thị Út H1 làm chủ hụi, vợ chồng bà Dư Thị Hồng N1, ông Phan Bình P trực tiếp tham gia hụi của vợ chồng ông H, bà H1 như sau:

- Dây hụi 1: Hụi nữa tháng (15 ngày khui lần), số tiền là 300.000 đồng khui ngày 30/8/2017 (âm lịch) có tất cả 96 chân hụi, vợ chồng bà N1, ông P tham gia 08 chân và đã hốt hết 08 chân. Tuy nhiên, sau khi hốt hụi vợ chồng bà N1, ông P đóng hụi đến ngày 15/5/2020 (âm lịch) thì ngưng không đóng nữa. Hiện nay, dây hụi 1 đã mãn (mãn vào ngày 01/9/2021 âm lịch), bà N1, ông P còn nợ 30 lần hụi chết x 08 chân x 300.000 đồng/chân, thành số tiền 72.000.000 đồng;

- Dây hụi 2: Hụi tháng khui một lần, số tiền hụi 01 triệu đồng, khui ngày 10/4/2018 (âm lịch) có tất cả 41 chân, bà N1, ông P chơi 03 chân và đã hốt hết 03 chân hụi. Dây hụi này mãn ngày 20/9/2021 âm lịch, bà N1, ông P ngưng đóng hụi chết từ ngày 15/5/2020 (âm lịch) là 16 lần x 03 chân x 01 triệu đồng, thành số tiền 48.000.000 đồng.

Ngoài ra, trước ngày 15/5/2020 (âm lịch) bà N1, ông P còn nợ hụi chết số tiền 9.700.000 đồng ở hai dây hụi trên.

Nguyên đơn đã nhiều lần đòi nợ, nhưng bà N1, ông P không trả, đến ngày 07/02/2023, Tổ hòa giải ấp H tiến hành hòa giải thì bà N1 thống nhất ngưng đóng hụi cho nguyên đơn vào ngày 15/5/2020 (âm lịch) nhằm ngày 05/07/2020 dương lịch đúng như lời nguyên đơn trình bày, nhưng bà N1 chỉ đồng ý trả hàng tháng cho nguyên đơn từ 500.000 đồng cho đến 1.000.000 đồng nên nguyên đơn không đồng ý.

Như vậy, tổng số tiền bà N1, ông P nợ hụi của nguyên đơn là 129.700.000 đồng. Các dây hụi trên do vợ chồng nguyên đơn làm đầu thảo và trực tiếp đi gom tiền hụi.

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Dư Thị Hồng N1 và ông Phan Bình P liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền 168.454.360 đồng. Trong đó tiền gốc của 02 dây hụi là 129.700.000 đồng và tiền lãi chậm trả bắt đầu từ ngày ngưng hụi là ngày 05/07/2020 đến ngày 05/07/2023 dương lịch là 36 tháng (Cụ thể: 129.700.000 đồng (tiền gốc) x 36 tháng x 0,83%/tháng = 38.754.360 đồng). Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 06/7/2023 đến ngày xét xử vụ án, đối với số tiền gốc 129.700.000 đồng, theo mức lãi suất chậm trả là 10%/năm (0,83%/tháng).

Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đối với dây hụi 1: Thực tế bị đơn tham gia 8 chân hụi nhưng tại phiên hoà giải bị đơn thừa nhận chỉ tham gia 6 chân hụi, do đó nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với 02 chân hụi mà bị đơn không thừa nhận, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ở

dây hụi 1 là 54.000.000 đồng (30 lần x 6 chân x 300.000 đồng) và nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền nợ 9.700.000 đồng.

Đối với số tiền lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày mãn hụi đến ngày xét xử cụ thể:

- Dây hụi 1 mãn hụi ngày 01/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 06/10/2021 dương lịch) đến ngày xét xử 08/01/2023 là 27 tháng 02 ngày x 10%/năm x 54.000.000 đồng thành tiền là 12.131.000 đồng (tính chẵn).

- Dây hụi 2 mãn hụi ngày 20/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 25/10/2021 dương lịch) đến ngày xét xử 08/01/2023 là 26 tháng 14 ngày x 10%/năm x 48.000.000 đồng thành tiền là 10.544.000 đồng (tính chẵn).

Tại phiên toà đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu giải quyết: Buộc bị đơn ông Phan Bình P, bà Dư Thị Hồng N1 trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 124.675.000 đồng, trong đó số tiền nợ 102.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 22.675.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Bình P trình bày:*

Ông P thừa nhận có chơi 02 dây hụi như phía nguyên đơn trình bày nhưng không thừa nhận số chân hụi và số tiền nợ hụi mà nguyên đơn khởi kiện. Đối với dây hụi 300.000 đồng khui ngày 30/8/2017 (âm lịch), ông P chỉ tham gia 06 chân hụi và hốt hết 06 chân hụi, còn nợ 23 lần hụi chết là 41.400.000 đồng không phải 8 chân hụi và nợ 30 lần hụi chết. Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 10/4/2018 (âm lịch) ông P tham gia 03 chân hụi hốt hết 3 chân hụi, còn nợ 10 lần hụi chết là 30.000.000 đồng, không phải nợ 16 lần như nguyên đơn trình bày. Ông P không thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 9.700.000 đồng. Ông P cho rằng là việc chơi hụi không có giấy tờ, chỉ có ông P là người trực tiếp tham gia chơi hụi của nguyên đơn còn vợ ông P là bà N1 không có tham gia chơi hụi nên không biết gì về việc chơi hụi và trình bày ngưng hụi ngày 15/5/2020 là không đúng. Đồng thời việc chơi hụi đã có lãi nên ông P không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi thêm tiền lãi. Đối với dây hụi chơi thay bà Lê Thị Mỹ C 02 chân và trả cho bà Lê Thị T thì đã xong, không còn liên quan gì nên ông P không có yêu cầu gì, nay ông P thừa nhận chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền hụi chết là 71.400.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Dư Thị Hồng N1 trình bày:*

Chồng bà là ông P không có nợ số tiền hụi của nguyên đơn như nguyên đơn yêu cầu, bà N1 không có chơi hụi mà chỉ biết chồng bà có tham gia chơi hụi của nguyên đơn. Thời điểm hoà giải ở ấp mời hai vợ chồng bà N1 nhưng ông P không đi được nên bà đi thay thì bà không nhớ rõ việc ghi chép của cán bộ ấp, bà chỉ nhớ là bà có nói hiện tại chỉ có khả năng trả mỗi tháng 500.000 đồng đến 01 triệu đồng, nhưng ban hoà giải đề nghị trả từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng mỗi tháng thì bà nói không có khả năng, bà không có trình bày thừa nhận ngưng hụi ngày 15/5/2020 như nội dung biên bản của ấp ghi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã tuyên xử: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Phan Thị Út H1. Buộc ông Phan Bình P, bà Dư Thị Hồng N1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn H, bà Phan Thị Út H1 số tiền 124.675.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Phan Thị Út H1 về việc buộc bị đơn ông Phan Bình P, bà Dư Thị Hồng N1 trả số tiền nợ của 02 chân hụi là 18.000.000 đồng và số tiền 9.700.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyênvề án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 23/01/2024, bị đơn ông Phan Bình P kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm tuyên sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đơn ông Lê Văn H, bà Phan Thị Út H1 do ông bà Phạm Ngọc N đại diện theo ủy quyền không có ý kiến về việc rút đơn khởi kiện; bị đơn ông Phan Bình P giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Do bên nguyên đơn vắng mặt nên các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Bình P và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Phan Bình P là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Phan Thị Út H1 do ông bà Phạm Ngọc N đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt; việc vắng mặt của những người này cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn H cùng vợ là bà Phan Thị Út H1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 chân hụi bị đơn không thừa nhận với số tiền là 18.000.000 đồng và rút lại yêu cầu đối với số tiền nợ 9.700.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đình chỉ đối với 02 yêu cầu trên của nguyên đơn là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Nay nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Dư Thị Hồng N1 và ông Phan Bình P liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 124.675.000 đồng, trong đó số tiền nợ 102.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 22.675.000 đồng.

[2.2] Bị đơn ông Phan Bình P thừa nhận có chơi 02 dây hụi như phía nguyên đơn khai. Đối với dây hụi 300.000 đồng khui ngày 30/8/2017 (âm lịch), ông P chỉ tham gia 06 chân hụi và hốt hết 06 chân hụi, còn nợ 23 lần hụi chết là 41.400.000 đồng không phải 8 chân hụi và nợ 30 lần hụi chết. Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 10/4/2018 (âm lịch) ông P tham gia 03 chân hụi hốt hết 3 chân hụi, còn nợ 10 lần hụi chết là 30.000.000 đồng, không phải nợ 16 lần như nguyên đơn trình bày. Ông P không thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 9.700.000 đồng. Ông P cho rằng việc chơi hụi không có giấy tờ, chỉ có ông P là người trực tiếp tham gia chơi hụi của nguyên đơn còn vợ ông P là bà N1 không có tham gia chơi hụi nên không biết gì về việc chơi hụi và trình bày ngưng hụi ngày 15/5/2020 là không đúng. Đồng thời việc chơi hụi đã có lãi nên ông P không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi thêm tiền lãi. Đối với dây hụi chơi thay bà Lê Thị Mỹ C 02 chân và trả cho bà Lê Thị T thì đã xong, không còn liên quan gì nên ông P không có yêu cầu gì, nay ông P thừa nhận chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền hụi chết là 71.400.000 đồng.

[2.3] Bị đơn bà đơn Dư Thị Hồng N1 cho rằng chồng bà là ông P không có nợ số tiền hụi của nguyên đơn như nguyên đơn yêu cầu, bà N1 không có chơi hụi mà chỉ biết chồng bà có tham gia chơi hụi của nguyên đơn. Thời điểm hoà giải ở ấp mời hai vợ chồng bà N1 nhưng ông P không đi được nên bà đi thay thì bà không nhớ rõ việc ghi chép của cán bộ ấp, bà chỉ nhớ là bà có nói hiện tại chỉ có khả năng trả mỗi tháng 500.000 đồng đến 01 triệu đồng, nhưng ban hoà giải đề nghị trả từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000đồng mỗi tháng thì bà nói không có khả năng, bà không có trình bày thừa nhận ngưng hụi ngày 15/5/2020 như nội dung biên bản của ấp ghi.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 cho rằng 02 dây hụi trên thì dây hụi khui ngày 30/8/2017Al có 02 năm nhuần, còn dây hụi ngày 10/4/2018Al có 01 năm nhuần thì thấy rằng,:

[3.1] Đối với dây hụi 15 ngày, khui ngày 30/8/2017AL thì có 01 năm nhuần là tháng 4 năm 2020, còn năm nhuần tháng 6/2017 là trước khi khui hụi, nên dây hụi này có 01 năm nhuần là tháng 6/2017. Theo nguyên đơn khai thì bị đơn đóng hụi đến ngày 15/5/2020 thì ngưng đóng hụi, còn bị đơn cũng thừa nhận đóng hụi đến ngày 15/5/2020. Xét thấy, D hụi này nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là bị đơn đã đóng hụi đến ngày 15/5/2020 được 33 tháng (có 01 tháng nhuần là tháng 4 năm 2020) 15 ngày (tức là đóng hụi được 67 lần). Như vậy, dây hụi này bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn (96- 67) có 29 lần hụi chết với số tiền là 52.200.000 đồng (29 lần x 300.000đ x 6 chân).

[3.2] Đối với dây hụi 01 tháng, khui ngày 10/4/2018AL thì có 01 năm nhuần là tháng 4 năm 2020. Theo nguyên đơn khai thì bị đơn ngưng đóng hụi từ ngày 15/5/2020, còn bị đơn khai là đã đóng hụi đến ngày 15/5/2020. Xét thấy, D hụi này bị đơn đã đóng hụi đến ngày 15/5/2020 được 26 tháng (có 01 tháng nhuần là tháng 4 năm 2020). Như vậy, dây hụi này bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn (41-26) có 15 lần hụi chết với số tiền là 45.000.000đồng (15 lần x 1.000.000đ x 3 chân).

[3.3] Như vậy, hai dây hụi này các bị đơn còn nợ các nguyên đơn số tiền là 97.200.000 đồng chứ không phải số tiền 102.000.000 đồng, vì 02 dây hụi này thì mỗi dây hụi đều có 01 tháng nhuần là tháng 04/2020. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh phần tiền mà các bị đơn chưa đóng hụi chết cho các nguyên đơn là 97.200.000 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan Bình P về việc yêu cầu yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm tuyên sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhận thấy:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Phan Bình P, bà Dư Thị Hồng N1 liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền 124.675.000 đồng, trong đó số tiền nợ của 02 dây hụi là 102.000.000 đồng, tiền tiền lãi chậm

trả của 02 dây hụi từ ngày mãn hụi đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất chậm trả là 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền là 22.675.000 đồng thì xét thấy:

[4.1.1] Đối với số tiền nợ hụi: Tại tòa phúc thẩm, ông P và bà N1 yêu cầu xem xét lại phần hai dây hụi đã đóng thì có nhuần một số tháng. Xét thấy, theo nhận định tại tiểu mục [3.3] mục [3] thì hai dây hụi này ông P và bà N1 còn nợ các nguyên đơn số tiền hụi chết là 97.200.000 đồng. Do đó, các bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi của 02 dây hụi là 97.200.000 đồng là có căn cứ.

[4.1.2] Đối với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả. Xét thấy, mặc dù các bên không có thỏa thuận trả lãi, căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định bên chậm thực hiện nghĩa vụ có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày mãn hụi đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Tiền lãi được tính như sau: Dây hụi 300.000 đồng mãn hụi ngày 01/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 06/10/2021 dương lịch) đến ngày xét xử 08/01/2023 là 27 tháng 02 ngày x 10%/năm x 52.200.000 đồng thành tiền là 12.475.000 đồng (tính chẵn). Dây hụi 1.000.000 đồng mãn hụi ngày 20/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 25/10/2021 dương lịch) đến ngày xét xử 08/01/2023 là 26 tháng 14 ngày x 10%/năm x 45.000.000 đồng thành tiền là 9.921.000 đồng (tính chẵn). Tổng cộng số tiền lãi chậm trả của hai dây hụi là 22.396.000 đồng.

[4.2] Đối với nghĩa vụ liên đới của các bị đơn ông Phan Bình P và bà Dư Thị Hồng N1 thì thấy rằng, Tại phiên tòa bà N1 đồng ý cùng ông P trả nợ cho ông H và bà H1. Vì vậy, căn cứ Điều 27 và Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà N1 cùng ông P có trách nhiệm thanh toán là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, bị đơn P1 và N1 có bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới như có một năm nhuần tháng 4/2020, để cấp phúc thẩm điều chỉnh cho phù hợp.

[6] Từ những phân tích tại tiểu mục [3.3] mục [3], mục [4] và mục [5] thì có căn cứ khẳng định rằng ông P1 và bà N1 có tham gia góp hụi cùng các nguyên đơn 02 dây hụi và sau khi hốt hụi thì các bị đơn không đóng hụi chết và hiện còn nợ lại các nguyên đơn số tiền là 97.200.000 đồng; do không góp hụi chết nên các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền lãi là 22.396.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 257, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; do các bị đơn hốt hụi là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên cả vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ cho các nguyên đơn theo quy định tại Điều 27 và Điều 30 của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần. Tuy nhiên, phần hụi chưa đóng và tiền lãi có điều chỉnh lại cho phù hợp theo nhận định trên, nên kháng cáo của bị đơn ông P1 có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Đối với dây hụi chơi thay bà Lê Thị Mỹ C 02 chân và trả cho bà Lê Thị T đã xong, không còn liên quan và đương sự không có yêu cầu gì, nên Hội đồng

xét xử cấp sơ thẩm không xem xét.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Bình P và sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Bình P. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST, ngày 8 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Phan Thị Út H1. Buộc ông Phan Bình P và bà Dư Thị Hồng N1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn H và bà Phan Thị Út H1 số tiền 119.596.000 đồng (Một trăm mười chín triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Phan Thị Út H1 về việc buộc bị đơn ông Phan Bình P và bà Dư Thị Hồng N1 trả số tiền nợ của 02 dây hụi là 18.000.000 đồng và số tiền 9.700.000 đồng.

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Phan Thị Út H1 về việc buộc ông Phan Bình P và bà Dư Thị Hồng N1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn H và bà Phan Thị Út H1 số tiền vốn và lãi 5.079.000 đồng (Năm triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 4.211.359 đồng theo biên lai thu số 0010245 ngày 14/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí thừa cho nguyên đơn là 3.911.359 đồng

4.2. Bị đơn ông Phan Bình P và bà Dư Thị Hồng N1 phải chịu án phí có giá ngạch là 5.979.800 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Bình P không phải chịu. Hoàn trả cho ông P số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000228 ngày 5 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014)*, thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng

thu số 0010245 ngày 14/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí thừa cho nguyên đơn là 3.911.359 đồng

4.2. Bị đơn ông Phan Bình Phương và bà Dư Thị Hồng Nhung phải chịu án phí có giá ngạch là 5.979.800 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Bình Phương không phải chịu. Hoàn trả cho ông Phương số tiền tạm ứng án phí mà ông Phương đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000228 ngày 5 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Toàn Trần Nam Trung Hồ Văn Phụng